TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2017/DS-ST
Ngày: 14-7-2017
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;

2. Bà Trần Thị Ngọc Hạnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2017/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2017 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2017/QĐXX-ST ngày 12 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2017/QĐST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

Trụ sở: số A, phố T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hiền T – Chức vụ: Trưởng phòng thu hồi nợ pháp lý kiêm quản lý pháp chế cho phòng an ninh và Phòng kiểm soát gian lận, Phòng thu hồi nợ pháp lý, Trung tâm thu hồi nợ - Khối tín dụng tiêu dùng – Ngân hàng TMCP V (theo Văn bản ủy quyền số 16/2016/UQ-CT ngày 10/8/2016).

Ông Lê Hiền Thảo ủy quyền lại cho: Bà Võ Thị Kiều O, sinh năm 1995; trú tại: Số A, khu phố T, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương (theo Văn bản ủy quyền số 05/2016/UQ-GĐK-TDTD ngày 25/12/2016). Có mặt.

Bị đơn: Bà Lê Thị D, sinh năm 1966.

Trú tại: Khu phố A, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng V) trình bày:

Vào ngày 16/01/2014, bà Lê Thị D có ký Hợp đồng tín dụng số 20140116-100116-0001 với Ngân hàng V để vay số tiền 31.500.000 đồng, lãi suất 3.75%/tháng. Mục đích vay để mua sắm dụng cụ gia đình. Thời hạn cho vay là 30 tháng. Theo thỏa thuận tại hợp đồng thì bà D có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng V số tiền là 52.998.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm trong 30 tháng, 29 tháng đầu mỗi tháng trả 1.767.000 đồng, Tháng cuối cùng trả 1.755.000 đồng, bắt đầu từ ngày 18/02/2014, trả vào ngày 18 hàng tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà D đã thanh toán cho Ngân hàng V được 07 lần với tổng số tiền 13.273.000 đồng. Tuy nhiên, tính từ ngày 20/3/2015 cho đến nay, bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, đã nhiều lần Ngân hàng V nhắc nhở đến hạn thanh toán nhưng bà D vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị D phải thanh toán cho Ngân hàng V toàn bộ khoản nợ tới hạn là 39.725.000 đồng.

Ngân hàng V đề nghị Tòa án không xác định Công ty Cổ phần Bảo hiểm A là đơn vị bán bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng trong vụ án vì đã hết thời hạn hợp đồng tín dụng nhưng sự kiện bảo hiểm đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng không xảy ra nên chưa phát sinh trách nhiệm dân sự của Công ty Cổ phần Bảo hiểm A.

Trong Bản tự khai ngày 19/01/2017, bị đơn bà Lê Thị D trình bày: Ngày 16/01/2014, bà D có ký Hợp đồng tín dụng số 20140116-100116-0001 để vay của Ngân hàng V số tiền 31.500.000 đồng, lãi suất 3.75%/tháng. Mục đích vay để tiêu dùng cá nhân. Thời hạn vay là 30 tháng. Theo thỏa thuận tại hợp đồng thì bà D có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng V số tiền là 52.998.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm trong 30 tháng, 29 tháng đầu mỗi tháng trả 1.767.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.755.000 đồng, thanh toán vào ngày 18 hàng tháng, thời gian bắt đầu từ ngày 18/02/2014.

Sau khi ký xong hợp đồng tín dụng, bà D đã nhận đủ số tiền 31.500.000 đồng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà D đã thanh toán cho Ngân hàng V 07 lần với số tiền 13.273.000 đồng. Tuy nhiên, do gặp khó khăn nên từ ngày 20/3/2015 cho đến nay, bà D chưa thanh toán tiền nợ gốc cho Ngân hàng V theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Bà D thừa nhận hiện nay bà còn nợ của Ngân hàng V số tiền 39.725.000 đồng, trong đó bao gồm 26.150.612 đồng tiền nợ gốc và 13.574.388 đồng tiền nợ lãi. Trước yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V, bà Dđồng ý thanh toán cho Ngân hàng V toàn bộ khoản nợ

tới hạn là 39.725.000 đồng. Tuy nhiên, bà D đề nghị được trả dần cho Ngân hàng V mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày và không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào mới. Đối với đề nghị của bà D về việc cho bà D trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi trả hết số nợ thì Ngân hàng V không đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Lê Thị D đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà D vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà D theo quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp: Ngày 16/01/2014, giữa bà D và Ngân hàng V có ký Hợp đồng tín dụng số 20140116-100116-0001. Nội dung hợp đồng tín dụng này thể hiện bà D có vay của Ngân hàng V số tiền 31.500.000 đồng, lãi suất thoả thuận là 3.75%/tháng. Mục đích vay để tiêu dùng cá nhân. Thời hạn vay là 30 tháng. Phương thức cho vay trả góp. Theo thỏa thuận tại hợp đồng thì bà D có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng V tổng số tiền bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi là 52.998.000 đồng, trả chậm trong 30 tháng, 29 tháng đầu mỗi tháng trả 1.767.000 đồng, tháng còn lại trả 1.755.000 đồng, bà D có trách nhiệm thanh toán vào ngày 18 hàng tháng, thời gian bắt đầu thanh toán từ ngày 18/02/2014. Sau khi ký xong hợp đồng, bà D đã nhận đủ của Ngân hàng V số tiền 31.500.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà D đã thanh toán cho Ngân hàng V được 07 lần với tổng số tiền 13.273.000 đồng. Đến thời hạn trả nợ, bà D không thực hiện đúng thoả thuận trong hợp đồng và vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu bà D phải thanh toán tổng số tiền 39.725.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 20140116-100116-0001 đã ký kết ngày 16/01/2014.

Xét Hợp đồng tín dụng số 20140116-100116-0001 ký kết ngày 16/01/2014, bảng chi tiết công nợ và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì thấy: Hợp đồng tín dụng trả góp số 20140116-100116-0001 ngày 16/01/2014 được hai bên tự nguyện ký kết. Mục đích và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội. Do đó, Hợp đồng tín dụng số 20140116-100116-0001 ký kết ngày 16/01/2014 giữa bà Lê Thị D với Ngân hàng V có hiệu lực pháp luật và là cơ sở phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa hai bên. Do bà D vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền 39.725.000 đồng, trong đó bao gồm 26.150.612 đồng tiền nợ gốc và 13.574.388

đồng tiền nợ lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Ngày 16/01/2014, bà D vay của Ngân hàng V số tiền 31.500.000 đồng, lãi suất hai bên thoả thuận là 3.75%/tháng. Thời hạn vay là 30 tháng. Theo thỏa thuận tại hợp đồng thì bà Dcó trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng V tổng số tiền bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi là 52.998.000 đồng, trả chậm trong 30 tháng, 29 tháng đầu mỗi tháng trả 1.767.000 đồng, tháng còn lại trả 1.755.000 đồng. Sau khi vay, bà D đã thanh toán được 13.273.000 đồng, còn nợ lại 39.725.000 đồng. Ngân hàng V yêu cầu bà D phải trả số tiền 39.725.000 đồng, bà D đồng ý trả theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng đề nghị trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi trả xong số nợ, việc này không được nguyên đơn đồng ý. Do đó, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả toàn bộ khoản nợ tới hạn là 39.725.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với Công ty Cổ phần Bảo hiểm A: Đây là đơn vị bán bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân trong hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng V và bà D. Xét thấy, sự kiện bảo hiểm đã thỏa thuận trong Thông tin bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân (Hợp đồng bảo hiểm) không xảy ra nên chưa phát sinh trách nhiệm dân sự của Công ty Cổ phần Bảo hiểm A, do đó trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án không đưa Công ty Cổ phần Bảo hiểm A vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Toà án chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26, 147, 227, 228, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đã được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/2/2005 và Quyết định số 783/2005/QĐ-NHNN ngày 31/5/2005);

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đối với bị đơn bà Lê Thị D về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc bà Lê Thị D phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 39.725.000 đồng (ba mươi chín triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực thi hành và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi bằng mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Bà Lê Thị D phải chịu 1.986.250 đồng (một triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 993.125 đồng (chín trăm chín mươi ba nghìn một trăm hai mươi lăm đồng) tiền tạm ứng án phí nộp tại Biên lai thu số AA/2016/0006543 ngày 13/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Lưu: HSVA, VT.

Đậu Thị Thảo

Trần Thị Ngọc Hạnh **Nguyễn Thị Thắm** **Đậu Thị Thảo**